

Số: 217/KH-MNVN2

Vĩnh Nguyên, ngày 31 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH Thực hiện công khai năm học 2024-2025

Thực hiện hướng dẫn số: 2316/GDDT-HC, ngày 28/10/2024 của Phòng GDĐT V/v hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn thành phố Nha Trang;

Thực hiện Quyết định Số: 111/QĐ-MNVN2, ngày 31 tháng 10 năm 2024 của trường mầm non Vĩnh Nguyên 2 về việc Ban hành Quy chế công khai cơ sở giáo dục Năm học 2024-2025.

Trường mầm non Vĩnh Nguyên 2 xây dựng kế hoạch Thực hiện công khai năm học 2024-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động (CBVCNLD) nhà trường về ý thức trách nhiệm cũng như tinh thần cộng đồng trong công tác;

Quản lý hiệu quả việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể thành khối đoàn kết nội bộ cao;

Thúc đẩy CBVCNLD nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Công khai các hoạt động của nhà trường trước CBVCNLD, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn;

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mỗi đoàn kết trong nội bộ trong trường học;

Thực hiện công khai đầy đủ, đúng thời gian, hình thức theo quy định tại điều 4,5,6,7,8,9 thuộc quy chế công khai số 111/QĐ-MNVN2, ngày 31/10/2024 của trường mầm non Vĩnh Nguyên 2;

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Công khai chung đối với các cơ sở giáo dục

- Công khai tin chung về cơ sở giáo dục: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế công khai số 111/QĐ-MNVN2 ngày 31/10/2024;

- Công khai thu, chi tài chính: thực hiện theo quy định tại Điều 5 tại Quy chế công khai số 111/QĐ-MNVN2 ngày 31/10/2024;

2. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 01);

- Thông tin về cơ sở vật chất (Biểu mẫu 02);

- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Công khai Báo cáo Tự đánh giá hằng năm, Kế hoạch cải tiến chất lượng sau Tự đánh giá hằng năm;

+ Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm: Công khai Quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

3. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học (Biểu mẫu 03 và đính kèm các văn bản liên quan); đồng thời công khai Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước (Biểu mẫu 04);

4. Công khai các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan

Việc công khai các nội dung khác:

Công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng; Mục 1 Chương III Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; công khai, lập biên bản công khai bản kê khai tài sản thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; ...).

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

Thiết lập Chuyên mục “Công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục” để triển khai thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Mục II của Công văn này tính đến tháng 6 hàng năm;

- Báo cáo thường niên để công khai cho cơ quan quản lý trực tiếp tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm (file PDF) với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Công văn này;

- Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại ý 1, 2 mục II nêu trên của điểm này trên cổng thông tin điện tử do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới: Thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

c) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

a) Công bố công khai các nội dung 1,2 mục II theo quy định tại trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hàng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại [ý 2 khoản a mục 1 phần III](#) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

c) Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

d) Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1,2,3,4 của mục II, tổ/bộ phận phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý; Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 9 hàng năm;

2. Phó hiệu trưởng phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước;

3. Kế toán phải thực hiện công khai các nội dung liên quan đến tài chính đúng thời gian quy định.

4. Thanh tra nhân dân, Chủ tịch công đoàn cơ sở giám sát nhiệm vụ công khai từ các bộ phận.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công khai của Trường mầm non Vĩnh Nguyên 2, yêu cầu các tổ/bộ phận, CBVCNLD phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- TTND, CTCĐCS;
- Lưu: VT,HS.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Hà

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON¹

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-MNVN2 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Trường mầm non Vĩnh Nguyên 2)

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
 TRƯỜNG MN VĨNH NGUYÊN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../BC-MNVN2

Vĩnh Nguyên, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm:

I. THÔNG TIN CHUNG²

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại [Điều 4 của Quy chế này](#).

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại [khoản 1 Điều 6 Quy chế này](#), đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại [khoản 2 Điều 6 Quy chế Quy chế này](#), đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại [khoản 3 Điều 6 của Quy chế này](#), đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại [khoản 2 Điều 7 của Quy chế này](#), đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại [khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 của Quy chế này](#), đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

PHỤ LỤC II**CÁC BIỂU MẪU CÔNG KHAI**

Biểu mẫu 01: Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học

Biểu mẫu 02: Công khai thông tin về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học

Biểu mẫu 03: Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non trong năm học ...

Biểu mẫu 04: Công khai thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước của cơ sở giáo dục mầm non, (năm học).

Biểu mẫu 01

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
TRƯỜNG MN VĨNH NGUYỄN 2

THÔNG BÁO

**Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường mầm non Vĩnh
Nguyễn 2, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên																
I	Giáo viên																
1	Nhà trẻ																
2	Mẫu giáo																
II	Cán bộ quản lý																
1	Hiệu trưởng																
2	Phó Hiệu trưởng																
III	Nhân viên																
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán																
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên khác																
..	..																

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 02

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
TRƯỜNG MN VĨNH NGUYỄN 2

THÔNG BÁO

Thông tin cơ sở vật chất của Trường mầm non Vĩnh Nguyễn 2, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m ²)		Bình quân tối thiểu/01 trẻ	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /trẻ em)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /trẻ em)
I	Số điểm trường			-	-
II	Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m²)				
III	Tổng số phòng			-	-
1	Khối phòng hành chính quản trị			-	-
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			-	-
a	Loại phòng học			-	-
	Phòng học kiên cố			-	-
	Phòng học bán kiên cố			-	-
	Phòng học tạm			-	-
	Phòng học nhờ			-	-
	...			-	-
b	Tổng diện tích một số loại phòng				
	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)				
	Diện tích phòng ngủ (m ²)				
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)				
	Diện tích sân chơi (m ²)				
	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)				
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)				
	...				
c	Tổng diện tích sân chơi (m ²)				
3	Khối phòng tổ chức ăn			-	-
	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)				
	...				
4	Khối phòng phụ trợ			-	-
	Phòng ...			-	-
	...			-	-
5	Hạ tầng kỹ thuật			-	-
	...			-	-
IV	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có (Đơn vị tính: bộ/nhóm/lớp)			-	-
V	Tổng số đồ chơi ngoài trời (Số bộ/sân chơi/trường)			-	-
VI	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu,			-	-

	<i>máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</i>				
VII	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (<i>Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định theo đơn vị tính: Số thiết bị/nhóm/lớp</i>)			-	-
1	...			-	-

VIII	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 52/2020/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
IX	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		
X	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XI	Kết nối internet		
XII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		
XIII	Tường rào xây		
..		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 03

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
TRƯỜNG MN VĨNH NGUYỄN 2

THÔNG BÁO

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của trường mầm non Vĩnh Nguyễn 2 trong năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số văn bản	Ngày, đơn vị ban hành
I	Kế hoạch hoạt động tuyển sinh (trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan)		
II	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục		
III	Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội		
IV	Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có)		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 04

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
TRƯỜNG MN VĨNH NGUYỄN 2

THÔNG BÁO

**Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của trường mầm non Vĩnh
Nguyễn 2 năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em/tổng số nhóm lớp							
II	Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm lớp ghép)							
III	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)							
IV	Số trẻ em học 2 buổi/ngày							
V	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú							
VI	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
VII	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe định kỳ							
VIII	Số trẻ em khuyết tật							
IV	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi		-	-	-	-		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)